TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **02**/2021/QĐST-HNGĐ	*Hương Thủy, ngày 09 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Hữu P, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số 06 kiệt 07 đường NDL, tổ 4, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 05/11 đường NK, phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A đăng ký hôn vào ngày 03/7/2017 tại Ủy ban nhân dân phương PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; Vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A.

[2]. Về con chung: Anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A công nhận vợ chồng có 02 người con chung là cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 31/8/2017 và cháu Lê Hữu Bảo N, sinh này 25/8/2019. Hai bên thỏa thuận giao cho anh Lê Hữu P là người trực tiếp nuôi 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị Mỹ A phải cấp dưỡng hàng tháng cho hai con là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng, tức là 1.500.000 đồng/ tháng/ cháu, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A công nhận vợ chồng có 02 người con chung là cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 31/8/2017 và cháu Lê Hữu Bảo N, sinh này 25/8/2019. Hai bên thỏa thuận giao cho anh Lê Hữu P là người trực tiếp nuôi 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị Mỹ A phải cấp dưỡng hàng tháng cho hai con là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng, tức là 1.500.000 đồng/ tháng/ cháu, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Lê Hữu P có đơn yêu cầu thi hành án, chị Nguyễn Thị Mỹ A không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Lê Hữu P và chị Nguyễn Thị Mỹ A mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Lê Hữu P đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001251 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Nguyễn Thị Mỹ A đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001250 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh TT Huế;*
- *VKSND thị xã Hương Thủy;*
- *Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;*
- *UBND phường PB (ĐKKH ngày 03/7/2017);*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÍ)

Mai Văn Phú